

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T C
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 362/2023/DS-ST
Ngày: 31 - 8 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về góp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trang Thị Cẩm Nhuận
- Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Minh Châu là Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện T C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 582/2023/TLST-DS, ngày 02 tháng 3 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 383/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 290/2023/QĐST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thạch Thị H, sinh năm 1961; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Ô Trao, xã Hiếu Tử, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1971 và ông Thạch Đa R, sinh năm 1971; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Ô Trao, xã Hiếu Tử, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án của bà Thạch Thị H là nguyên đơn như sau:

Ngày 15 tháng 7 năm 2018, bà Thạch Thị H có tham gia dây hui loại 10.000.000 đồng/phần, hui gồm 17 phần, khai theo vụ lúa (một năm 03 kỳ) do bà Nguyễn Thị H1 và ông Thạch Đa R làm đầu thảo (chủ hui). Khi góp hui chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không làm văn bản nhưng đầu thảo có ghi danh sách hui viên và gửi cho những người tham gia. Hình thức góp hui là sau khi đã mở hui thì đầu

thảo đi gom tiền của hội viên, sau đó giao tiền tại nhà hội viên được lĩnh hội, mỗi người lĩnh hội thỏa thuận trả cho đầu thảo tiền huê hồng là 4.000.000 đồng.

Trong dây hội này bà H tham gia 01 phần lấy tên là “H Đức”. Hội khai đến lần thứ 07 thì bà H1 và ông Thạch Đa R úp hội không khai nữa. Bà H đã đóng cho bà Hòa và ông Thạch Đa R được 06 lần hội sống với tổng số tiền là 25.730.000 đồng. Sau khi vỡ hội bà H1 đã trả cho bà H được 3.000.000 đồng. Ngoài ra do bà H còn tham gia góp hội loại 5.000.000 đồng/phần (dây 01), khai theo vụ lúa, khai lần đầu ngày 15/10/2015 bà đã hốt hội và còn nợ lại hội chết với tổng số tiền là 7.250.000 đồng.

Nay bà H yêu cầu bà H1, ông Đa Ra trả cho bà số tiền còn lại sau khi cần trừ là 15.480.000 đồng. Bà Thạch Thị H không yêu cầu tính lãi.

- Bà Nguyễn Thị H1 là bị đơn vắng mặt nhưng có lời khai:

Bà H1 thừa nhận vào ngày 15/7/2018 bà H1 có mở dây hội loại 10.000.000 đồng/phần, hội gồm có 17 phần, bà H tham gia 01 phần (dây 01). Hình thức và nội dung góp hội như bà Thạch Thị H đã khai. Dây hội này bà H đóng hội sống đến lần khai thứ 06 với số tiền là 25.730.000 đồng. Tuy nhiên, bà H còn tham gia dây hội loại 5.000.000 đồng/phần (dây 01), khai theo vụ lúa, khai lần đầu ngày 15/10/2015 và đã kêu hốt hội số tiền là 3.550.000 đồng (đầu thảo đã giao tiền đầy đủ). Dây hội này còn 05 hội viên còn sống nên bà H1 yêu cầu bà H trả số tiền hội sống mà 05 hội viên đã góp là 1.450.000 đồng x 05 lần = 7.250.000 đồng. Đồng thời sau khi úp hội bà Hòa có trả cho bà H số tiền là 3.000.000 đồng nên cũng yêu cầu khấu trừ. Số tiền nợ còn lại là 15.480.000 đồng bà Hòa đồng ý trả cho bà H.

Riêng đối với chồng bà là ông Thạch Đa R không tham gia vào việc góp hội nên không thống nhất trả theo yêu cầu của bà H.

Ông Thạch Đa R là bị đơn vắng mặt và không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thu lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn nhiều lần vắng mặt chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39; 92, 147, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị H. Buộc bà Nguyễn Thị H1 và ông Thạch Đa R phải trả cho bà Thạch Thị H số tiền vốn đã đóng 15.480.000 đồng. Bà H không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Các đương sự phải chịu án phí và nghĩa vụ chậm thi hành án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bà Thạch Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với bà Nguyễn Thị H1 và ông Thạch Đa R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Thạch Thị H, bà Nguyễn Thị H1 và ông Thạch Đa R.

Về quan hệ pháp luật: Bà Thạch Thị H khởi kiện bà Nguyễn Thị H1 và ông Thạch Đa R để yêu cầu trả tiền nợ hui. Xét thấy đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Theo đơn khởi kiện bà Thạch Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H1 và ông Thạch Đa R phải trả tiền nợ hui là 15.480.000 đồng của dây hui loại 10.000.000 đồng /phần ngày 15/7/2018 (dây 01). Bà Thạch Thị H không yêu cầu tính lãi. Đối với bà Nguyễn Thị H1 thì đồng ý trả bà H 15.480.000 đồng nhưng khai ông Thạch Đa R không biết việc góp hui nên không có nghĩa vụ cùng trả nợ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án bà Hòa thống nhất có tham gia góp hui theo như đơn khởi kiện của bà H. Như vậy đây là những tình tiết bà H không cần chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị H1 với vai trò là chủ hui, là người tổ chức, quản lý dây hui, thu các phần hui và giao lại cho các thành viên được lĩnh hui trong mỗi kỳ mở hui cho tới khi kết thúc dây họ nhưng bà Hòa ngưng khai hui khi chưa kết thúc dây hui là vi phạm nghĩa vụ của chủ hui theo quy định tại Điều 18 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường. Do đó căn cứ vào Điều 15 và Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP việc bà Thạch Thị H khởi kiện để yêu cầu trả nợ hui là có căn cứ.

[4] Qua lời khai của các hui viên như chị Thạch Thị Sa M (Út Ch), bà Thạch Thị Th (Cô Th) xác định dây hui loại hui 10.000.000 đồng /phần ngày 15/7/2018 do bà Nguyễn Thị H1 và ông Thạch Đa R làm chủ hui. Bà H1 và ông Đa Ra là vợ chồng, việc góp hui diễn ra công khai trong một thời gian dài tại nhà ông Thạch Đa R, ông Đa R biết và cũng không có phản đối gì. Do đó, cần buộc bà Nguyễn Thị H1 và ông Thạch Đa R phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà H số tiền nợ

15.480.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 37 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tiền lãi, do bà H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Do bà Thạch Thị H được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Đồng thời căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc ông Thạch Đa R và bà Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T C về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 471, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 37 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị H. Buộc ông Thạch Đa R và bà Nguyễn Thị H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Thạch Thị H số tiền 15.480.000 đồng của dây hụi loại 10.000.000 đồng /phần ngày 15/7/2018 (dây 01).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc ông Thạch Đa R và bà Nguyễn Thị H1 nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 774.000 đồng.

Bà Thạch Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T C;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện T C;
- Đương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Tùng